

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

Bản án số: 405/2022/HS-ST  
Ngày: 15/9/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị B

*Các Hội thẩm nhân dân Ông:* Nguyễn Minh H

*Ông:* Trần Văn C

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu T - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:** Ông Trương Kim Q - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 313/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336 /2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 770/2022/QĐHPT-HS ngày 18/8/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Châu Thị Thùy N**, Giới tính: Nữ,

Tên gọi khác: Q.

Sinh ngày 31 tháng 01 năm 2002, tại: tỉnh Đ.

Nơi cư trú: khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Trình độ học vấn: Lớp 05/12.

Họ tên cha: Châu Hồng P, sinh năm: 1984, còn sống.

Họ tên mẹ: Dương Thị Ngọc P, sinh năm: 1979, còn sống.

Không có chồng nhưng có 01 con sinh năm 2017.

Họ tên chị: Châu Thị Thùy T, sinh năm: 2000.

Họ tên em: Châu Thị Thùy L, sinh năm: 2003.

Họ tên em: Châu Quốc K, sinh năm: 2005.

Họ tên em: Châu Thị Bích T, sinh năm: 2011.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 588 ngày 31/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đ. Hiện bị cáo đang tại ngoại.

Bị hại: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1998. Địa chỉ: 245, ấp 5, xã H, huyện B, tỉnh B.

Nhân chứng thứ nhất: Chị Nguyễn Ngọc Thùy T, sinh năm 1983. Địa chỉ: K1/22A, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đ.

Nhân chứng thứ hai: Chị Đặng Thị Ngọc V, sinh năm 1975. Địa chỉ: sô 150, ấp 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Người liên quan: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp 5, xã H, huyện B, tỉnh B.

Bị cáo N có mặt tại phiên tòa; ông C (bị hại), bà T, bà V (người làm chứng), ông T (người liên quan) vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 11/2019, thông qua mạng xã hội Facbook Châu Thị Thùy N quen biết với anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1998, ngụ tại 245, ấp 5, xã H, huyện B, tỉnh B. Vào khoảng 06 giờ ngày 24/01/2020, anh Nguyễn Xuân C điều khiển xe mô tô biển số 61K1-128.96 đi từ huyện B, tỉnh B đến phòng trọ của Châu Thị Thùy N thuộc khu phố 5, phường B, thành phố B chở N đi chơi. Trên đường đi chơi thì N rủ anh C đi thuê nhà nghỉ để quan hệ tình dục, anh C đồng ý. Sau đó, anh C chở N đi đến thuê phòng nghỉ số 9 tại nhà nghỉ “L P” thuộc địa chỉ K1/26A, khu phố 2, phường B, thành phố B quan hệ tình dục. Đến khoảng 09 giờ 25 phút cùng ngày, lợi dụng anh C đang ngủ, N lén lút lấy chìa khóa xe mô tô biển số 61KT-128.96 của anh C treo ở đĩa dây lưng quần của anh C rồi đi ra mở khoá xe mô tô biển số 61K1-128.96 nổ máy điều khiển xe chạy về phòng trọ của N thuê ở tại khu phố 5, phường B, thành phố B thì gặp Lâm Minh H, sinh năm 1998, ngụ tại A1/255, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ đang ở đây. Sau đó, H mượn xe mô tô BS: 61K1-128.96 đem đi đâu N không rõ và đến nay chưa trả lại xe cho N. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, anh C thức dậy không thấy N đâu, kiểm tra chìa khóa xe mô tô biển số 61K1-128.96 móc ở đĩa dây lưng quần không thấy nên anh C ra hỏi chị Nguyễn Ngọc Thùy T là chủ nhà nghỉ, được chị T cho biết N đã lấy

xe đi trước đó. Anh C điện thoại cho N nhưng N không nghe máy nên anh C đến Công an phường B trình báo lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra xử lý.

Vật chứng vụ án gồm: 01 (một) xe mô tô biển số 61K1- 128.96, không thu hồi được lý do sau khi trộm cắp tài sản N đã đưa cho Lâm Minh H, Qua xác minh tại phường T thì H đã bỏ đi khỏi địa phương, không rõ làm gì, ở đâu nên chưa làm việc được với H.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 311/KL- HĐĐGTS ngày 29/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: “01 (một) xe mô tô biển số 61K1- 128.96, có tổng giá trị tài sản định giá là 31.800.000 đồng (ba mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng)”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 0507/ĐT/2022 ngày 18/05/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận: “độ tuổi của Châu Thị Thùy N là 20 tuổi (+/- 06 tháng) kể từ ngày giám định 13/5/2022”.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại anh Nguyễn Xuân C yêu cầu Châu Thị Thùy N bồi thường số tiền 31.800.000 đồng (ba mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng) đến nay N chưa bồi thường.

Đối với Lâm Minh H qua xác minh tại phường T thì H đã bỏ đi khỏi địa phương, không rõ làm gì, ở đâu nên chưa làm việc được với H và ngoài lời khai của Châu Thị Thùy N ra thì không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh việc N sau khi trộm cắp xe mô tô biển số 61K1- 128.96 đã đưa xe cho H nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Quá trình điều tra xác định bị can Châu Thị Thùy N có một con tên Châu Tuấn H, sinh ngày 23/5/2017. N khai vào tháng 7/2016, N có quen biết với Nguyễn Vũ Đ (không rõ nhân thân lai lịch). Sau đó, Đ đưa N về phòng trọ của Đ tại tổ 7, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B tại đây cả hai cùng quan hệ tình dục với nhau nhiều lần dẫn đến N có thai thì Đ bỏ đi. Đến ngày 23/5/2017, N sinh con tại Trung tâm y tế thị xã T, tỉnh B. Cơ quan điều tra đã đưa N đi xác định phòng trọ nơi N và Đ quan hệ tình dục nhưng N không xác định được, chỉ biết phòng trọ ở tại tổ 7, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B. Thời điểm N sinh con mới 15 tuổi 03 tháng 23 ngày. Xét thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi và vụ việc xảy ra tại thị xã T, tỉnh B nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã chuyển tin báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã T, tỉnh B để thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Cáo trạng số 326/CT-VKSBH ngày 08/7/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ đã truy bị cáo Châu Thị Thùy N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Châu Thị Thùy N và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Châu Thị Thùy N mức án tù 12 tháng đến 14 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Châu Thị Thùy N đã thừa nhận: Vào lúc 09 giờ 25 phút ngày 24/01/2020, tại nhà nghỉ “P”, địa chỉ K1/26B, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đ, Châu Thị Thùy N đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô biển số 61K1 128.96 của anh Nguyễn Xuân C, có giá trị tài sản định giá là 31.800.000 đồng (ba mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo Châu Thị Thùy N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo thực hiện, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thời điểm N phạm tội là 17 tuổi 02 tháng 11 ngày, quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

[6] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt.

Như đã phân tích và xác định về độ tuổi của bị cáo Châu Thị Thùy N. Tính đến ngày phạm tội bị cáo N 17 tuổi 02 tháng 11 ngày; tính đến ngày xét xử bị cáo 19 tuổi 10 tháng 06 ngày. Vì vậy, áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về xử lý đối với người dưới 18 (mười tám) tuổi quy định tại các Điều 90, 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự để xét xử đối với bị cáo N.

Đối với Lâm Minh H qua xác minh tại phường T thì H đã bỏ đi khỏi địa phương, không rõ làm gì, ở đâu nên chưa làm việc được với Hiệp và ngoài lời khai của Châu Thị Thùy N ra thì không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh việc N sau khi trộm cắp xe mô tô biển số 61K1- 128.96 đã đưa xe cho H nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Quá trình điều tra xác định bị can Châu Thị Thùy N có một con tên Châu Tuấn H, sinh ngày 23/5/2017. N khai vào tháng 7/2016, N có quen biết với Nguyễn Vũ Đ (không rõ nhân thân lai lịch). Sau đó, Đ đưa N về phòng trọ của Đ tại tổ 7, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B tại đây cả hai cùng quan hệ tình dục với nhau nhiều lần dẫn đến N có thai thì Đ bỏ đi. Đến ngày 23/5/2017, N sinh con tại Trung tâm y tế thị xã T, tỉnh B. Cơ quan điều tra đã đưa N đi xác định phòng trọ nơi N và Đ quan hệ tình dục nhưng N không xác định được, chỉ biết phòng trọ ở tại tổ 7, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B. Thời điểm N sinh con mới 15 tuổi 03 tháng 23 ngày. Xét thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi và vụ việc xảy ra tại thị xã T, tỉnh B nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã chuyển tin báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã T, tỉnh B để thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Về biện pháp tư pháp: Không có.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Châu Thị Thùy N bồi thường cho bị hại là anh Nguyễn Xuân C số tiền 31.800.000 đồng (ba mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng).

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 90, 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Châu Thị Thùy N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Châu Thị Thùy N 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Về dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Châu Thị Thùy N phải bồi thường cho anh Nguyễn Xuân C số tiền 31.800.000 đồng (ba mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hết các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Châu Thị Thùy N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Nguyễn Xuân C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố B;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị B**